

MẪU CBTT-02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI (VINALINK)

Năm báo cáo : 2008

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

Năm 1998:

- Công ty Vinatrans thành lập Xí nghiệp Đại lý Vận tải và Gom hàng với tên giao dịch là **Vinaconsol**.

Năm 1999:

- 24/6 Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quyết định số 0776/1999/QĐ-BTM phê duyệt Phương án cổ phần hóa một bộ phận DNNN Vinatrans, chuyển Xí nghiệp Đại lý vận tải và gom hàng thành Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và thương mại, tên giao dịch: Vinalink; vốn điều lệ 8 tỷ VND (nhà nước giữ 10%); chuyên kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho bãi, văn phòng, XNK
- 16/7 Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty hợp thông qua điều lệ, cơ cấu tổ chức bộ máy, bầu HĐQT và BKS ... Theo đó cơ cấu tổ chức bộ máy cty bao gồm:
 - + Ban Giám đốc.
 - + Phòng Đại lý vận tải và gom hàng.
 - + Phòng đại lý hãng tàu Hapag - Lloyd.
 - + Kho 145 Nguyễn Tất Thành.
 - + Phòng kế toán - Hành chính.
- 01/9 Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân đã đăng ký với Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM ngày 31/7.

Năm 2000:

- 07/3 Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt nam VIFFAS.
- 05/4 Vinalink trở thành hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam VCCI.
- 24/6 Tổ chức đánh giá quốc tế DNV (Na uy) chứng nhận Vinalink thực hiện hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002, nay là ISO 9001 : 2000.

Năm 2001:

- 01/01 Phòng Giao nhận hàng hàng không được thành lập và chính thức hoạt động tại văn phòng A 8 Trường sơn, Q.Tân bình, sau chuyển về 44 Trường sơn Q.Tân bình.
- 01/9 Phòng Logistics được thành lập và chính thức hoạt động.

Năm 2002:

- Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận quốc tế FIATA.
- 13/5 Công ty tăng vốn điều lệ lên gấp 3 lần , vốn điều lệ mới là 24 tỷ VND.

Năm 2003:

- Tháng 6 Vinalink góp vốn trở thành 1 trong 3 bên phía Việt nam trong công ty liên doanh vận tải Việt - Nhật (Konoike Vina).
- Tháng 10 : Vinalink cùng Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore) thành lập công ty liên doanh Đại lý vận chuyển FC (Vietnam) chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không quốc tế như British Airways, Royal Brunei Airlines...

Năm 2004:

- Văn phòng công ty tại Khu công nghiệp Việt nam - Singapore (Bình dương) chính thức hoạt động ,
- Tháng 9 Công ty kỷ niệm 5 năm hoạt động và đón nhận Huân chương Lao động hạng ba do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 5 năm 1999 - 2003 , góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- 11/10 Tổng cục Hải quan cấp phép thành lập Kho ngoại quan Vinalink tại 145 Nguyễn Tất Thành. Tháng 12 Kho ngoại quan Vinalink tiếp nhận lô hàng đầu tiên của khách hàng Schneider Electric Overseas Asia Pte.Ltd.
- Tháng 12 , Vinalink tham gia thành lập Công ty TNHH 3 thành viên vận tải ô tô V-Truck.

Năm 2005:

- 01/01 Chi nhánh công ty tại Hà nội chính thức hoạt động tại số 2 Bích cầu, Q.Đống đa.Từ đầu năm 2006 chuyển về tầng 11 cao ốc 14 Láng hạ, Q. Ba đình.
- 01/4 Công ty TNHH RCL (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink (45% vốn), SGN và Hãng tàu RCL (Singapore) chính thức hoạt động.
- 01/8 Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink và Hãng tàu Hapag-Lloyd (Đức) chính thức hoạt động.
- Tháng 8 công ty tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ VND.
- 15/9 Bộ Giao thông vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho Vinalink.

Năm 2006

- Từ 04/9 chính thức triển khai dịch vụ chuyển phát nhanh nội địa -Vinalink Express.

Năm 2007

- 24/10/2007 UBND TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho CÔNG TY TNHH ĐIỀU HÀNH VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA LIÊN KẾT, tên giao dịch là LCM.CO.LTD- Đây là công ty liên doanh giữa Vinalink và Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore), chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế.

LCM.Co.Ltd đã được hãng hàng không Cargolux Airlines (Luxembuorg) chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa (GSA) tại Việt nam .

Năm 2008

- Triển khai dịch vụ đường sắt từ Việt Nam đi Kazakhstan, Uzbekistan, Mông Cổ, Nga,...
- Được tặng cúp vàng “ Công ty cổ phần hàng đầu Việt nam “ năm 2008 do Hiệp hội đầu tư chứng khoán, Tạp chí Chứng khoán , Trung tâm thông tin tín dụng (NHNN) ...tổ chức bình chọn .

2. Ngành nghề kinh doanh :

- Giao nhận đường biển và đường hàng không
- Dịch vụ Vận tải đa phương thức
- Dịch vụ Logistics, giao nhận nội địa
- Dịch vụ kho ngoại quan và lưu kho bảo quản hàng hóa
- Đại lý tàu biển
- Tổng đại lý bán cước
- Đại lý bán vé máy bay
- Kinh doanh xuất nhập khẩu
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh nhà

3. Định hướng phát triển :

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Mục tiêu nhiệm vụ: Dù tình hình kinh tế năm 2009 được dự đoán có phần suy thoái so với năm 2008, nhưng Công ty vẫn cố gắng phấn đấu đảm bảo kết quả kinh doanh chung năm 2009 không giảm sút nhiều , có mức tăng 5 - 10% về doanh thu và khối lượng dịch vụ so với năm 2008; ổn định và phát triển các mảng Hàng không, gom hàng, kho,.. chú trọng phát triển dịch vụ Logistics hướng tới các khách hàng là các pháp nhân ổn định; tìm kiếm và phát triển các dịch vụ mới nhằm đa dạng hóa kinh doanh bảo đảm nguồn thu ổn định, tiếp tục **tập trung trọng điểm cho các dịch vụ giao nhận hàng NK; thị trường phía Bắc: đầu tư cơ sở vật chất và phát triển các dịch vụ mới.**

❖ Các chương trình/Kế hoạch đầu tư phát triển trong năm 2009 và trung hạn:

- Để tập trung nâng cao phát triển dịch vụ logistics: tiếp tục đầu tư vào Đội xe vận tải, nâng số lượng xe container từ 14 lên 20 chiếc, mua thêm 3-4 xe tải nhẹ và trung ,...
- Tiếp tục chuẩn bị và tìm kiếm cơ hội đầu tư xây dựng phát triển kho tàng bến bãi ở các khu vực, các dự án dự kiến tại các khu vực như: Hà Tây, Bắc Ninh, Cái Mép, khu vực TPHCM và lân cận, mỗi nơi khoảng 10,000 – 15,000m²
- Tiến hành dịch vụ đầu tư cơ sở hạ tầng, tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng KCN và khai thác cung cấp các dịch vụ có liên quan và dịch vụ Logistics cho các doanh nghiệp trong KCN và liên kết đầu tư hạ tầng khác khi có điều kiện
- Cùng với đối tác tiếp tục các bước xin chủ trương đầu tư cho dự án chuyển đổi công năng tại khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

- Năm 2008, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thành xuất sắc các kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Qua 04 kỳ họp, HĐQT đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể trong hoạt động. Cụ thể:

- Triển khai giao kế hoạch kinh doanh cho công ty trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Thông qua chủ trương đánh giá nguồn lực của Công ty và giải pháp sử dụng các nguồn lực hiệu quả hơn trong hoạt động kinh doanh.
- Thông qua các vấn đề về nghiên cứu thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh chăm sóc khách hàng, xây dựng văn hóa công ty => đẩy mạnh hoạt động truyền thông.
- Nghiên cứu phát triển các dịch vụ mới, lựa chọn đối tác và xúc tiến làm thủ tục xây dựng dự án cao ốc văn phòng, khách sạn ... tại 145-147 Nguyễn Tất Thành, Q4;; xúc tiến dự án hợp tác đầu tư xây dựng KCN tại Hải dương.
- Bổ nhiệm cán bộ, hoàn chỉnh và tăng cường bộ máy lãnh đạo công ty.
- Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 9 về việc tiến hành làm thủ tục Niêm yết trên HOSE

- Các hoạt động đầu tư:

- Với các công ty đã đầu tư và đang hoạt động:
 - Đầu tư thêm USD 102,000.00 vào Công ty liên doanh F.C
 - Kết quả hoạt động của các công ty có vốn góp của Vinalink năm 2008 đều có tỷ lệ tăng trưởng tốt hơn so với năm trước

II. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời
 - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản: 21.03%
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu: 21.89%
- Tình hình tài chính trong năm không có biến động gì lớn
- Giá trị sổ sách tại thời điểm của năm báo cáo (biên bản kiểm toán)
- Cổ phiếu

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8,190,000 (Mệnh giá 10,000đ/CP)

- Cổ phiếu có thể chuyển nhượng: 7,200,000
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 990,000
 - Cổ tức đã chi : 1400 đ/cổ phần

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT :triệu VND

Chỉ tiêu	TH 2007	KH 2008	TH 2008	% /2007	% /KH
1. Tổng Doanh thu:	156,310	179,500	256,908	164%	143%
Trong đó: - KD trực tiếp	144,276	158,752	244,752	170%	154%
- Thu khác:	1,943	9,500	1,738	89%	18%
- Đầu tư vốn:	10,091	11,248	10,418	103%	93%
2. Thặng dư vốn:	4,950	-			

3. Lãi trước thuế:	21,918	28,368	26,044	119%	92%
Trong đó: - KD trực tiếp	9,884	7,620	13,888	141%	182%
- Thu khác:	1,943	9,500	1,738	89%	18%
- Đầu tư vốn:	10,091	11,248	10,418	103%	93%
4. Lãi sau thuế:	19,475	24,944	22,662	116%	91%
Trong đó: - KD trực tiếp và thu khác	9,384	13,696	12,244	86%	142%
- Đầu tư vốn:	10,091	11,248	10,418	103%	92%
5. Chênh lệch thu chi (chưa lương):	20,521	23,000	29,098	142%	127%
6. Lao động bình quân	199	242	239	120%	99%
7. Quỹ Lương:	10,637	15,360	15,210	143%	99%
8. Nộp NSNN:	8,245		11,478	139%	

☞ Tình hình và kết quả kinh doanh năm 2008 có một số điểm nổi bật như sau:

– Tình hình kinh tế và thị trường giao nhận vận tải năm 2008 biến động có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh như biến động về giá và phí lớn, chi phí đầu vào tăng cao (xăng dầu, giá thuê đất ...); sự căng thẳng về ngoại tệ và tỷ giá lên xuống bất thường; việc tắc nghẽn các cảng vào giữa năm và tình hình xuất nhập khẩu giảm sút từ đầu quý 4 do khủng hoảng kinh tế toàn cầu bắt đầu ảnh hưởng.

– Định hướng ưu tiên phát triển dịch vụ Logistics và dịch vụ Hàng nhập đã được thực hiện tốt, thể hiện ở các điểm:

- + Tập trung đầu tư cơ sở phương tiện vận tải, tăng thêm 2 xe đầu kéo container, nâng qui mô phương tiện vận tải xếp dỡ: 14 xe đầu kéo container, 18 remooc, 8 xe tải nhẹ tạo điều kiện chủ động trong dịch vụ, nâng cao uy tín thương hiệu VINALINK
- + Các dịch vụ logistics đã phát triển ngày càng đa dạng và phong phú, với nhiều khách hàng lớn, tỷ trọng doanh thu Logistics tăng (chiếm 32% tổng doanh thu so với 27% của năm 2007)
- + Tỷ trọng doanh thu các dịch vụ hàng nhập tăng từ 21% năm 2007 lên 29% năm 2008 với các hoạt động bán dịch vụ trực tiếp tăng, không để lệ thuộc vào nguồn khách hàng chỉ định từ phí Đại lý
- + Các dịch vụ giao nhận, cước đường biển, hàng không tuy không có nhiều nguồn hàng chỉ định từ đại lý song vẫn được duy trì và phát triển có hiệu quả, nhất là dịch vụ hàng không.
- + Nhiều cơ hội kinh doanh đã được khai thác kịp thời và có hiệu quả như dịch vụ vận chuyển đa phương thức với 5000 tấn gạo đi Trung Á; dịch vụ nhập khẩu cung cấp bao bì chuyên dụng cho v/c hàng không ; dịch vụ vận chuyển và phân phối nội địa cho 1 số nhà SX và 1 số nhãn sản phẩm.
- + Các dịch vụ khu vực phía Bắc đã được triển khai đa dạng và có mức tăng trưởng tốt (trên 200%)
- + Trong tổng hợp chung kết quả hoạt động có chỉ tiêu thu khác được đặt ra cho việc thu từ chuyển nhượng QSD không đạt do tình hình biến động đóng băng của hoạt động đầu tư bất động sản (mới chuyển nhượng được 2,4 ha trong tổng số 15,1 ha). Chỉ tiêu thu từ đầu tư vốn vào các công ty chỉ đạt 92,6 % KH do tình hình thiếu vốn nên 1 số cty liên doanh tạm chưa chia lợi nhuận năm trước

(như FC) hoặc chỉ chia 1 phần như RCL, Konoike ... Kết quả kinh doanh năm 2008 của các công ty có vốn đầu tư của cty đều tốt, đều tăng hơn năm 2007 từ 15% đến hơn 30%, riêng FC có mức lãi sau thuế tăng hơn 3 lần năm 2007.

- + Trong năm 2008 công ty đã tiếp tục tập trung đầu tư cho việc hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy, triển khai phần mềm nghiệp vụ mới; tổ chức đào tạo nhân viên; phát triển quan hệ đại lý mở rộng mạng lưới (nhất là các khu vực như Trung quốc, Hàn quốc, ĐNA ...); sử dụng linh hoạt nguồn vốn và các phương tiện thanh toán phù hợp mang lại hiệu quả cao

– Một số hạn chế:

- + Về dịch vụ: tính ổn định chưa cao, cơ cấu khách hàng hiện nay chưa tích cực, tỷ lệ khách hàng pháp nhân lớn thấp, số lượng khách hàng cá nhân, và co-loader trong dịch vụ LCL xuất còn chiếm tỷ trọng lớn
- + Về nhân sự: chưa ổn định, việc tuyển dụng mới còn nhiều khó khăn về mặt chất lượng, đặc biệt là nguồn cho chức danh sales và cán bộ chủ chốt
- + Cơ sở vật chất: thiếu kho tàng ở vị trí phù hợp và phương tiện vận chuyển cơ giới làm cơ sở để chào bán dịch vụ cho những khách hàng lớn, nhất là dịch vụ Logistics – dịch vụ chủ yếu của công ty trong tương lai

☞ Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ 9 (2008): kết quả thực hiện các nội dung chủ yếu của Nghị quyết như sau:

1. Về hoạt động kinh doanh: như báo cáo phần trên đã nêu.
2. Việc niêm yết cổ phiếu trên HOSE: trong năm công ty đã ký Hợp đồng tư vấn với công ty chứng khoán Bảo Việt để thực hiện. Hồ sơ xin niêm yết đã được nộp cho HOSE ngày 31/12/2008 và đang tiếp tục bổ sung các tài liệu liên quan theo yêu cầu của HOSE.
3. Việc tổ chức phát hành tiếp 810.000 cổ phần còn lại của đợt tăng vốn năm 2007: chưa thực hiện do tình hình thị trường không thuận lợi.
4. Một số hạng mục dự kiến đầu tư kho bãi được nêu trong KH năm 2008:
 - Dự án đầu tư kho bãi ở Thường tín: đã ký biên bản ghi nhớ với chủ đầu tư KCN, song tình hình thị trường không thuận lợi nên dự án này chưa triển khai được. Hiện nay công ty đang tiếp tục tìm kiếm vị trí khác trong khu vực Hà nội - Bắc ninh - Hưng yên -...để xây dựng Phương án đầu tư kho bãi cho khu vực phía bắc.
 - Khu vực lân cận TP.HCM: chưa chọn được địa điểm phù hợp. Công ty đang tiếp tục tìm kiếm địa điểm, hướng ưu tiên vào mặt bằng tại các KCN.
 - Dự án chuyển đổi công năng khu vực 145-147 Nguyễn tất Thành vẫn đang tiếp tục giai đoạn lập thiết kế sơ bộ hoàn chỉnh hồ sơ dự án xin chủ trương đầu tư từ UBNDTP.

3. Kế hoạch năm 2009

❖ Chỉ tiêu cụ thể:

- + **Doanh thu: 260 tỷ**
- + **Lãi trước thuế: 20,045 tỷ**
- + **Lãi sau thuế : 18,785 tỷ.**
- + **Cổ tức : 1.400 đ/cp**

❖ Một số biện pháp chung :

- Tập trung triển khai các biện pháp đối phó với khủng hoảng suy giảm dịch vụ chung: sắp xếp lại tổ chức bộ máy của các đơn vị; rà soát lại nhân viên; đẩy mạnh hoạt động bán dịch vụ, chú trọng các dịch vụ logistics của các dự án đầu tư xây dựng, dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa; triệt để cắt giảm các chi phí hành chính quản lý, cải tiến cơ chế chi trả thu nhập theo hướng thu nhập khoán tỷ lệ theo kết quả kinh doanh;

triển khai các biện pháp nâng cao dịch vụ cùng với các hình thức khuyến mãi dịch vụ ... để giữ và tăng lượng dịch vụ. Tăng cường công tác đào tạo nhân viên.

- Tăng cường hơn cho công tác marketing ở phạm vi công ty tạo môi trường cho việc bán dịch vụ ở các đơn vị, với các hình thức thích hợp như quảng cáo, quan hệ KH và đối tác; nâng cấp trang WEB, xây dựng phần mềm nghiệp vụ mới, thực hiện chương trình phát triển thương hiệu nhân kỷ niệm 10 năm thành lập công ty. Tiếp tục củng cố các mối quan hệ đối tác với các đại lý ở các khu vực và tìm kiếm các đối tác mới.
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh với việc thiết lập các văn phòng giao dịch và thực hiện dịch vụ ở các khu vực tập trung KCN như Nhơn Trạch (Đồng nai); Dung Quất (Quảng Ngãi); Bến lức (Long An)...
- Cải tiến hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy kinh doanh cho phù hợp với quy mô và định hướng phát triển dịch vụ.
- Tiếp tục các dự án đầu tư xây dựng phát triển kho tàng bến bãi ở các khu vực, dự kiến các dự án sau :
 - ✓ Kho bãi tại Hà nội: 10.000 m2 (trong KCN) tổng vốn đầu tư khoảng 15 tỷ (năm 2009 chỉ khoảng 5 tỷ).
 - ✓ Kho bãi tại Bắc Ninh 10.000m2 vốn đầu tư khoảng 15 tỷ, năm 2009 đầu tư khoảng 5 tỷ
 - ✓ Kho bãi tại Cái mép: 2 ha vốn đầu tư khoảng 15 tỷ, năm 2009 đầu tư khoảng 3 tỷ.
 - ✓ Kho bãi tại khu vực lân cận TP.HCM: khoảng 5000 – 10.000 m2 (đang tìm địa điểm), tổng vốn đầu tư khoảng 20 tỷ, năm 2009 dự kiến đầu tư khoảng 5 tỷ.
- Tiếp tục các bước xin chủ trương đầu tư cho dự án 145-147 Nguyễn Tất Thành.
- Tiếp tục đầu tư phương tiện vận tải nâng quy mô đoàn xe lên khoảng 20 xe container, 10 xe vận tải nhẹ tùy theo yêu cầu của dịch vụ.
- Chủ động khai thác tạo nguồn thu từ việc sử dụng vốn ngắn hạn. Đề nghị giao cho HĐQT thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trên HOSE vào thời điểm thích hợp sau khi được cấp phép. Đối với số cổ phần chưa phát hành đủ so với vốn điều lệ đã đăng ký giao cho HĐQT xem xét phát hành cho cổ đông chiến lược hoặc trên thị trường phù hợp với quy định chung khi tình hình thị trường thuận lợi.
- Do tình hình kinh tế năm 2009 trong nước và thế giới còn nhiều biến động phức tạp khó lường , đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT trong năm vào thời điểm thích hợp có thể xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch (nếu cần) cho phù hợp với diễn biến thực tế.
- Tổ chức kỷ niệm 10 năm thành lập công ty một cách thiết thực hiệu quả tạo cơ sở để thúc đẩy phát triển trong giai đoạn mới

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán (Bản tóm tắt kèm theo).

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty Kiểm toán DTL

- Ý kiến kiểm toán độc lập :

Trích :” **Theo ý kiến chúng tôi**, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần giao

nhận Vận tải và Thương mại vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TPHCM, ngày 06 tháng 03 năm 2009

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã ký

LỤC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

Đã ký

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ
- Các nhận xét đặc biệt

VI. Các công ty có liên quan

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

ĐVT: VND

STT	Tên công ty	Vốn đầu tư	Tỷ lệ /VĐL	Ghi chú
1	Cty LD Hapag-Lloyd (VN)	1,548,762,000	49.00%	
2	Cty LD RCL (VN)	2,130,300,000	45.00%	
3	Cty LD FC (VN)	1,987,291,500	51.00%	
4	Cty LD Konoike Vina	6,601,190,302	9.15%	
5	Cty LD LCM (VN)	3,277,260,000	51.00%	
6	Cty TNHH V-truck	726,150,000	9.81%	
7	Cty CP Vinafreight	855,000,000	1.50%	
8	Cty CP Vinatrans Hanoi	13,200,000,000	22.00%	
9	Cty CP Vinatrans Danang	4,392,000,000	29.80%	
10	Cty CP Vinacontrol	2,100,000,000		

Các công ty trên đều hoạt động tốt và có hiệu quả cao.

VII. Tổ chức và nhân sự

Cơ cấu tổ chức của công ty: Hiện tại công ty có

- + Ban Giám đốc: Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng giám đốc
- + 1 chi nhánh tại Hà nội, 1 VPĐD tại Hải phòng
- + 5 phòng kinh doanh, 2 phòng ban quản lý phục vụ
- + Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương của Tổng giám đốc 30 triệu đồng/tháng
- + Số lượng cán bộ, nhân viên : 239 người

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1. Thành viên và cơ cấu HĐQT: 05 người.
 - a. Thành viên độc lập :4 người
 - b. Thành viên kiêm nhiệm: 01 người, kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty.
2. Hoạt động của HĐQT: Các thành viên HĐQT hoạt động theo phương thức không tập trung và thông qua các vấn đề được công khai tại các kỳ họp hoặc bằng phương thức lấy ý kiến bằng văn bản. Cụ thể, năm 2008, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời thông qua các vấn đề của Công ty.. Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện đúng theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hoạt động của Ban kiểm soát:
 - Kiểm soát và làm việc trực tiếp với các đoàn kiểm toán năm 2008 và kiểm tra báo cáo tài chính 2008.
4. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên BKS và BGĐ được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và thực hiện thống nhất như sau:
 - + Chủ tịch HĐQT hưởng thù lao 6 tr.đ/quý.
 - + Các thành viên HĐQT hưởng thù lao 5 tr.đ/quý.
 - + Trưởng BKS 2, 5 tr.đ/năm, thành viên BKS 2 tr.đ/năm.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông trong nước

Tổng số: 480 sở hữu 98.75% cổ phần công ty

- + Cá nhân: 475 sở hữu 80.01% cổ phần công ty
- + Tổ chức: 5 sở hữu 18.74% cổ phần công ty

Thông tin về cổ đông nắm giữ trên 5% VDL:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cty Vinatrans	406 Nguyễn Tất Thành, Q. 4	900,000	10.00%
2	Cty Vinatrans Hà nội	2 Bích Câu, Đống Đa, HN	460,000	5.11%

2.2. Cổ đông ngoài nước

Tổng số: 3 sở hữu 1.25% cổ phần công ty

- + Cá nhân: 2 sở hữu 0.27% cổ phần công ty
- + Tổ chức: 1 sở hữu 0.98% cổ phần công ty

TP.Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 3 năm 2009
Tổng Giám đốc công ty

Đã ký

Nguyễn Nam Tiến

Mẫu CBTT-03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty
Vinalink

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

năm 2008

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

Stt	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	71,506,692,814	71,808,182,560
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	37,362,311,318	36,025,785,548
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5,000,000,000	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	26,042,324,351	32,105,310,192
4	Hàng tồn kho		
5	Tài sản ngắn hạn khác	3,102,057,145	3,677,086,820
II	Tài sản dài hạn	46,284,101,066	52,038,475,198
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	10,237,052,085	14,501,698,866
	- Tài sản cố định hữu hình	10,237,052,085	14,501,698,866
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	35,123,071,302	36,592,953,802
5	Tài sản dài hạn khác	923,977,679	943,822,530
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	117,790,793,880	123,846,657,758
IV	Nợ phải trả	11,511,472,817	14,884,219,854
1	Nợ ngắn hạn	11,511,472,817	14,834,239,693
2	Nợ dài hạn		49,980,161
V	Vốn chủ sở hữu	106,279,321,063	108,962,437,904

1	Vốn chủ sở hữu	103,536,757,581	106,472,103,267
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	81,900,000,000	81,900,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	4,950,000,000	4,950,000,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ		
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16,686,757,581	19,622,103,267
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	2,742,563,482	2,490,334,637
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2,742,563,482	2,490,334,637
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	<u>117,790,793,880</u>	<u>123,846,657,758</u>

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	235,235,553,162	143,976,041,305
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	235,235,553,162	143,976,041,305
4	Giá vốn hàng bán	215,403,187,031	126,126,056,360
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19,832,366,131	17,849,984,945
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21,672,813,021	12,299,198,399
7	Chi phí tài chính	7,174,496,567	906,029,657
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8,286,531,838	7,335,505,024

10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26,044,150,747	21,907,648,663
11	Thu nhập khác		
12	Chi phí khác		
13	Lợi nhuận khác	-	-
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26,044,150,747	21,907,648,663
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,381,982,061	2,442,781,121
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22,662,168,686	19,464,867,542
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.67%	23.77%
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		39.29%	42.02%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	60.71%	57.98%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		9.77%	12.02%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	90.23%	87.98%
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh		6.21	4.82
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	6.21	4.82
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		16.53%	18.30%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		13.53%	15.74%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	18.32%	20.80%

TP.HCM Ngày 26 tháng 3 năm 2009.

Tổng Giám đốc công ty

(Đã ký)

Nguyễn Nam Tiến